

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** :
 - Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
 - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 883 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.148 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi phí} & & \text{Lãi vay} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{phụ phí} & - & \text{quản lý} & - & \text{ước tính} \\ \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{tính trước} & & \text{(nếu có)} & & \text{ước tính} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh 11.7 trước khi Công ty chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động khai thác đá.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	493.586.156	358.042.196
Tiền gửi ngân hàng	28.556.257.150	21.489.772.516
Cộng	29.049.843.306	21.847.814.712

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư ngắn hạn khác		19.452.000.000		
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i>	<i>1.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>		
<i>Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 ⁽ⁱ⁾</i>	<i>595.200</i>	<i>5.952.000.000</i>		
<i>Công ty CP Sông Đà Hà Nội</i>	<i>200.000</i>	<i>2.000.000.000</i>		
<i>Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>150.000</i>	<i>1.500.000.000</i>		
Cộng		19.452.000.000		

(i) Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7 theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 595.200 cổ phiếu.

(ii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng trong kỳ	(780.000.000)	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(780.000.000)	

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	189.629.967.191	180.688.872.876
Phải thu về cung cấp điện, nước	4.843.563.317	9.002.735.826
Phải thu tiền bán thành phẩm	6.617.205.856	3.381.715.484
Cộng	201.090.736.364	193.073.324.186

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về khối lượng xây lắp	18.433.926.215	21.633.660.840
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	9.025.760.410	3.376.659.484
Trả trước cho nhà cung cấp điện	-	10.000.000
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	67.328.375	525.248.900
Cộng	27.527.015.000	25.545.569.224

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của CBCNV	1.004.744.177	799.384.844
Phải thu các đội công trình	2.796.126.799	3.637.334.430
Tiền cổ tức phải thu	2.803.588.000	2.340.000.000
BĐH DA thủy điện Hòa Na	1.117.515.001	2.491.848.729
Tiền đền bù phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long cho Công trình Buôn Kuốp - Đăknông	-	333.165.350
Tiền vật tư công trình đường dây 500KV Mỹ Phước - Cầu Bông	399.606.847	-
Tiền vật tư công trình đường dây 220KV Vĩnh Long Trà Vinh	63.558.720	-
Tiền vật tư công trình Vĩnh Tân -Sông Mây	-	-
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	158.503.664	158.503.664
Các khoản phải thu khác	1.810.915.363	858.782.184
Cộng	10.154.558.570	10.619.019.201

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(574.013.182)	(589.669.303)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(88.217.147)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	(104.171.379)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(574.013.182)	(397.280.777)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	(574.013.182)	(589.669.303)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(589.669.303)	(470.775.405)
Trích lập dự phòng bổ sung	(47.138.667)	(127.893.898)
Hoàn nhập dự phòng	62.794.788	9.000.000
Số cuối kỳ	(574.013.182)	(589.669.303)

8. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	133.318.329	313.166.830
Nguyên liệu, vật liệu	5.024.047.806	7.419.718.298
Công cụ, dụng cụ	741.948.744	216.980.712
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.693.326.128	98.048.534.439
Thành phẩm	1.036.308.348	1.036.308.348
Cộng	74.628.949.355	107.034.708.627

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	-	-
Tiền sửa chữa tài sản cố định	-	-
Chi phí bốc phủ	-	-
Chi phí cải tạo lòng hồ	-	-
Chi phí thí nghiệm	-	-
Chi phí QLDN chờ kết chuyển	-	-
Cộng	-	-

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	9.642.828.090	12.452.412.830
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
Cộng	9.693.828.090	12.503.412.830

11. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu dài hạn về khối lượng xây lắp thực hiện.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	79.589.045.251	57.747.876.774	22.598.931.155	1.214.410.429	24.976.190	161.175.239.799
Tăng trong kỳ	4.509.897.576	-	-	109.090.909	-	4.618.988.485
<i>Mua sắm mới</i>	-	2.043.007.454	-	109.090.909	-	2.152.098.363
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	6.097.715.758	-	-	-	-	6.097.715.758
Giảm trong kỳ do thanh lý	-	(1.755.291.428)	-	(196.627.167)	-	(1.951.918.595)
Số cuối kỳ	85.686.761.009	58.035.592.800	22.598.931.155	1.126.874.171	24.976.190	167.473.135.325
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	13.046.805.441	18.223.710.009	12.508.046.848	982.397.748	24.976.190	44.785.936.236
Tăng trong kỳ do						

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
khấu hao	3.796.063.174	5.252.349.256	2.418.733.709	139.834.371	-	11.606.980.510
Giảm trong kỳ do thanh lý	-	(755.506.428)	-	(196.627.167)	-	(952.133.595)
Số cuối kỳ	16.842.868.615	22.720.552.837	14.926.780.557	925.604.952	24.976.190	55.440.783.151
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	66.542.239.810	39.524.166.765	10.090.884.307	232.012.681	-	116.389.303.563
Số cuối kỳ	68.843.892.394	35.315.039.963	7.672.150.598	201.269.219	-	112.032.352.174

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Giá trị lợi thế kinh doanh	Giá trị thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	498.471.398	683.333.331	1.181.804.729
Tăng trong kỳ do khấu hao	72.947.040	99.999.996	172.947.036
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	571.418.438	783.333.327	1.354.751.765
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	230.999.028	316.666.669	547.665.697
Số cuối kỳ	158.051.988	216.666.673	374.718.661

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1.780.462.000	3.332.525.680	3.691.916.545	-	1.421.071.135
XDCB dở dang	7.818.177.998	486.447.864	4.509.897.576	-	3.794.728.286
Dự án khai thác và SX đá XD	4.339.439.394	-	4.339.439.394	-	-
Dự án khu dân cư Hòa Bình	1.274.269.613	315.898.682	-	-	1.590.168.295
Dự án khu đô thị Nhơn Trạch - Đồng Nai	2.204.468.991	-	-	-	-
Chi phí xây dựng kho	-	170.458.182	170.458.182	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>xương</i>					
Sửa chữa lớn TSCĐ	239.630.730	44.852.727	-	127.616.248	156.867.209
Cộng	9.838.270.728	3.863.826.271	8.201.814.121	127.616.248	5.372.575.630

15. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long ^(a)	1.800.000	18.581.773.480	1.800.000	18.581.773.480
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 ^(b)	1.785.000	17.850.000.000	1.785.000	17.850.000.000
Cộng		36.431.773.480		36.431.773.480

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0500589591 ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long 15.500.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 1.800.000 cổ phiếu, tương đương 36,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.800.000 cổ phiếu, tương đương 36% vốn điều lệ).

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 36% nhưng vẫn được trình bày ở khoản mục Đầu tư vào công ty con do Công ty có quyền biểu quyết đa số (3/5) trong các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty con.

- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600974553 ngày 29 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 là 17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ^(a)	632.500	5.649.956.640	632.500	5.649.956.640
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ^(b)	750.000	8.750.000.000	600.000	7.250.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà ^(c)	828.000	7.200.000.000	720.000	7.200.000.000
Cộng		21.599.956.640		20.099.956.640

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 632.500 cổ phiếu, tương đương 36,12% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 06 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông 15.000.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đầu tư thêm 1.500.000.000 VND tương đương với 150.000 CP. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 750.000 cổ phiếu, tương đương 12,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông (số đầu năm là 600.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 7.500.000.000 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 828.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng trong kỳ	(463.456.640)	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	<u>(463.456.640)</u>	

18. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư vào đơn vị khác				21.652.000.000
Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	-		595.200	5.952.000.000
Công ty CP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2	-		150.000	1.500.000.000
Công ty CP Cao su Tân Biên	-		-	2.200.000.000
Công ty CP Sông Đà Hà Nội	-		200.000	2.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-		1.000.000	10.000.000.000
Cộng	-			<u>21.652.000.000</u>

19. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>		<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	<u>Số đầu năm</u>			
Chi phí công cụ dụng cụ	1.556.687.373	81.281.818	1.589.498.170	48.471.021
Chi phí bóc phủ	1.311.636.363		327.909.092	983.727.271
Chi phí mở rộng, cải tạo lòng hồ	1.053.423.801		1.053.423.801	
Cộng	<u>3.921.747.537</u>	<u>81.281.818</u>	<u>2.970.831.063</u>	<u>1.032.198.292</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Tài sản dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	61.673.943.690	44.591.296.360
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	-	-
Ngân hàng ĐT&PT Hà Tây	33.517.766.523	-
Ngân hàng NN&PTNT Láng Hạ	8.308.395.590	29.705.636.242
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Quang Trung	19.847.781.577	14.885.660.118
Vay dài hạn đến hạn trả	11.450.159.257	13.416.359.257
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	8.830.000.000	8.830.000.000
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	1.636.000.000	1.289.700.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Quang Trung	984.159.257	2.792.159.257
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà		504.500.000
Cộng	73.124.102.947	58.007.655.617

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	44.591.296.360	151.472.046.920	134.389.399.590	61.673.943.690
Vay dài hạn đến hạn trả	13.416.359.257	10.520.300.000	12.486.500.000	11.450.159.257
Cộng	58.007.655.617	161.992.346.920	146.875.899.590	73.124.102.947

22. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	32.620.968.538	44.883.474.541
Phải trả nhà cung cấp điện	119.141.139	359.241.296
Phải trả nhà thầu xây lắp	79.458.461.331	114.959.290.621
Phải trả nhà cung cấp khác	2.734.885.752	3.597.923.645
Cộng	114.933.456.760	163.799.930.103

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	39.145.867.283	59.974.320.576
Các khoản ứng trước khác	307.549.998	91.422.854
Cộng	39.453.417.281	60.065.743.430

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.569.056.064	20.447.077.804	11.864.801.052	16.181.332.816
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.544.145.770	1.865.945.612	3.231.435.936	1.178.655.446
Thuế thu nhập cá nhân	129.324.585	404.850.514	321.875.548	212.299.551
Thuế tài nguyên	360.318.269	834.574.302	404.685.535	790.207.036
Thuế nhà đất	108.654.445	-	-	108.654.445
Tiền thuê đất	31.075.380	108.990.140	77.914.760	62.150.760
Phí bảo vệ môi trường	21.723.975	149.469.746	8.747.274	162.446.447
Các loại thuế khác	-	10.500.000	10.500.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	<u>10.764.298.488</u>	<u>23.851.408.118</u>	<u>15.919.960.105</u>	<u>18.695.746.501</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động kinh doanh nước	5%

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty đang áp dụng mức thuế suất ưu đãi và thời gian miễn giảm thuế theo nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp” với thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.125.421.168	20.709.606.723
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.344.428.190)	(2.899.407.919)
- Các khoản điều chỉnh tăng	449.171.810	565.142.081
Tiền phạt thuế, BHXH	234.416.810	
Thù lao HĐQT không điều hành	128.000.000	
Chi không có chứng từ hợp lệ	86.755.000	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.793.600.000)	(3.464.550.000)
Thu nhập chịu thuế	19.780.992.978	17.810.198.804
Thu nhập được miễn thuế	9.932.139.943	-
Lỗi các năm trước được chuyển		-
Thu nhập tính thuế	9.848.853.035	17.810.198.804
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.462.213.259	4.452.549.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp được gi ảm 30% theo nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012	(596.267.647)	(1.010.570.194)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.865.945.612	3.441.979.507

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí các công trình	24.887.159.660	18.081.363.651
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	160.871.549	1.418.989.000
Chi phí phải trả khác	335.498.601	31.075.380
Cộng	25.383.529.810	19.531.428.031

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.407.824.427	1.314.308.475
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	2.934.547.296	1.875.461.282
Phải trả các đội tiền khoán công trình	19.113.298.986	24.838.529.766
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	383.225.759	105.400.282
Cổ tức phải trả các cổ đông	52.076.173	33.551.173

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	-	1.000.000.000
Tiền lương phải trả	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.332.186.964	1.198.251.166
Cộng	28.245.659.605	32.388.002.144

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	738.869.280		118.700.000	620.169.280
Quỹ phúc lợi	450.783.383	863.381.361	884.186.000	429.978.744
Cộng	1.189.652.663	863.381.361	1.002.886.000	1.050.148.024

28. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả dài hạn nhà thầu xây lắp.

29. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.500.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	-
Cộng	2.500.000.000	-

30. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	22.086.546.906	30.916.546.906
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.	19.512.123.867	28.342.123.867
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.	2.574.423.039	2.574.423.039
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	8.349.462.697	-
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2012/HĐTD, vay mua xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.	469.600.000	-
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sản tâng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.	7.879.862.697	-
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung		286.000.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD ngày 05/03/2007, thời hạn vay 72		286.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”		
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	11.397.738.697
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH ngày 12/7/2010, thời hạn vay là 60 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành	-	701.600.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ngày 21/10/2009, thời hạn vay là 120 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sản tầng 7 - tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông	-	10.696.138.697
Cộng	30.436.009.603	42.600.285.603

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	8.349.462.697	13.416.359.257
Trên 1 năm đến 5 năm	19.512.123.867	42.600.285.603
Trên 5 năm	2.574.423.039	-
Tổng nợ	30.436.009.603	56.016.644.860

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	30.916.546.906	-	8.830.000.000	22.086.546.906
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	-	11.319.462.697	2.970.000.000	8.349.462.697
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quang Trung	286.000.000	-	286.000.000	0
Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà	11.397.738.697	-	11.397.738.697	-
Cộng	42.600.285.603	11.319.462.697	23.483.738.697	30.436.009.603

31. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	931.015.241	825.164.354
Số trích lập bổ sung	13.244.405	381.392.055

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đã chi	(66.432.596)	(275.541.168)
Số đã hoàn nhập	(877.827.050)	
Số cuối kỳ	0	931.015.241

32. Doanh thu chưa thực hiện

Là phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	12.815.801.360	158.558.019.454
Lợi nhuận trong năm 2010	-	-	-	-	-	17.267.627.216	17.267.627.216
Trích lập các quỹ năm 2010	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(8.003.973.160)	(890.105.568)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(4.795.078.200)	(4.795.078.200)
Số dư cuối năm trước	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	17.284.377.216	170.140.462.902
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	17.284.377.216	170.140.462.902
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	20.259.475.556	20.259.475.556
Trích lập các quỹ kỳ này	-	-	-	3.562.268.994	863.381.361	(5.289.031.716)	(863.381.361)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(11.995.345.500)	(11.995.345.500)
Số dư cuối kỳ này	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	41.999.284.819	4.694.959.399	20.259.475.556	177.541.211.597

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (tập đoàn Sông Đà)	29.680.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	50.288.970.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	30.746.580.408	30.746.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
Cộng	110.587.491.823	110.587.491.823

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu phổ thông	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.100	5.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu phổ thông	7.991.797	7.991.797

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	545.435.296.739	535.906.384.878
Doanh thu bán điện thương phẩm	23.126.814.419	16.704.827.698
Doanh thu hoạt động xây dựng	448.299.861.891	436.262.748.631
Doanh thu hoạt động khác	74.008.620.429	82.956.989.661
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(18.181.112)
- Giảm giá hàng bán	-	(18.181.112)
Doanh thu thuần	545.435.296.739	535.906.384.878

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	7.239.242.830	5.267.776.565
Giá vốn của hoạt động xây dựng	411.727.541.582	412.021.674.752
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	58.868.105.774	50.830.428.598
Cộng	477.834.890.186	468.119.879.915

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	311.485.630	290.275.962
Doanh thu hoạt động khác		603.888.058
Doanh thu bảo lãnh	3.320.148.532	1.119.245.205
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.793.600.000	3.464.550.000
Cộng	6.425.234.162	5.477.959.225

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.296.258.047	17.932.720.871
Phí bảo lãnh	2.877.492.833	2.310.098.070
Phí ủy thác đầu tư	200.000.000	
Chi phí tài chính khác	3.130.000	24.550.000
Cộng	19.376.880.879	20.267.368.941

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	20.909.964.278	19.995.399.571
Chi phí vật liệu quản lý	2.454.508.634	2.161.694.930
Chi phí đồ dùng văn phòng	983.814.057	1.001.033.411
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.781.257.489	1.875.289.910
Thuế, phí và lệ phí	381.825.788	298.957.380
Chi phí dự phòng	1.227.800.519	118.893.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.081.570.138	3.100.764.596
Chi phí bằng tiền khác	3.871.200.050	4.745.417.155
Cộng	34.691.940.953	33.297.450.851

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.009.124.364	384.292.637
Thu bồi thường thiệt hại do bên nhà thầu gây ra		
Các khoản nợ không xác định được chủ		
Thu nhập bán hồ sơ thầu		
Hỗ trợ lãi xuất sau đầu tư	1.537.739.098	710.720.048
Thu nhập khác	952.200.914	378.805.583
Cộng	3.499.064.376	1.473.818.268

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	999.785.000	37.714.512
Các khoản tiền phạt (chậm nộp BHXH, thuế GTGT...)	234.416.810	339.552.393
Chi phí khắc phục thiệt hại do nhà thầu gây ra	-	
Chi phí khác	96.260.281	86.589.036
Cộng	1.330.462.091	463.855.941

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.317.119.335	1.233.355.832
Thù lao	328.000.000	738.000.000
Cộng	1.645.119.335	1.971.355.832

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>		<i>12.225.000.000</i>
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả		313.203.534
Nhận ứng trước tiền CT Thủy điện Nậm Chiến		11.911.796.466
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long</i>		
Giao dịch mua hàng		
Giá trị xây lắp hoàn thành	10.933.683.594	36.691.201.347
Thuế GTGT	1.093.368.359	3.669.120.134
Giao dịch bán hàng		
Bán vật tư	51.517.962	475.843.753
Thuế GTGT	5.151.796	47.584.375
Giao dịch khác		
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	419.988.407	355.529.690
Giá trị cổ phiếu trong năm	1.800.000.000	2.340.000.000
Chênh lệch giá mua cổ phiếu		
Tiền phí bảo hiểm công trình		33.651.712
Thuế GTGT		3.365.171
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i>		
Giao dịch mua hàng		
Giá trị xây lắp hoàn thành	75.866.134.374	40.260.441.366
Thuế GTGT	7.586.613.437	4.026.044.137
Giao dịch bán hàng		
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	845.125.743	365.951.739
Cung cấp vật tư	619.206.963	528.765.420
Thuế GTGT	61.920.696	52.876.572
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình		30.684.533
Thuế GTGT		3.068.453
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà</i>		-
Giao dịch mua hàng		-
Giá trị xây lắp hoàn thành	4.719.912.795	-
Thuế GTGT	471.991.279	-
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	7.238.652	-
Giao dịch bán hàng		-
Cung cấp vật tư	240.157.639	-
Thuế GTGT	24.015.764	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông</i>		-
Góp vốn điều lệ	1.500.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i>		
Giá trị khối lượng công trình được cung cấp	30.809.094.614	63.143.210.132
Thuế GTGT	3.080.909.461	6.314.321.013
Doanh thu bán hàng	185.142.689	826.795
Thuế GTGT	18.514.269	82.680

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giảm trừ doanh thu do quyết toán		(18.181.112)
Thuế GTGT		(1.818.111)
Thu hồi vốn vay		6.314.321.013
Thu phí BL	943.291.805	
Giá trị cổ tức được chia	993.600.000	
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	<i>364.235.777</i>	<i>364.235.777</i>
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long</i>	<i>1.327.270.511</i>	<i>6.823.261.314</i>
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	636.704.838	3.760.512.006
Phải thu về khối lượng công trình xây dựng	690.565.673	722.749.308
Phải thu tiền cổ tức	-	2.340.000.000
Phải thu tiền phí BL		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i>	<i>3.024.546.328</i>	<i>10.352.940.576</i>
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	3.024.546.328	10.352.940.576
Phải thu tiền phí BL		-
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i>	<i>13.324.232.823</i>	<i>9.562.941.437</i>
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	13.324.232.823	9.562.941.437
Cộng nợ phải thu	<u>18.040.285.439</u>	<u>27.700.828.516</u>
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	<i>1.903.853</i>	<i>1.903.853</i>
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853	1.903.853
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long</i>	<i>13.788.521.035</i>	<i>21.823.900.290</i>
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	13.788.521.035	21.823.900.290
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i>	<i>12.196.149.898</i>	<i>23.338.644.087</i>
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	12.196.149.898	23.338.644.087
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà</i>	<i>27.419.799.223</i>	<i>30.697.781.993</i>
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	27.419.799.223	30.697.781.993
<i>Công ty Cổ phần kỹ thuật Sông Đà</i>	<i>3.240.221.381</i>	<i>-</i>
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	3.240.221.381	-
Cộng nợ phải trả	<u>56.646.595.390</u>	<u>75.862.230.223</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Các lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	448.299.861.891	97.135.434.848	545.435.296.739
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	448.299.861.891	97.135.434.848	545.435.296.739
Chi phí bộ phận	(411.727.541.582)	(66.107.348.604)	(477.792.890.186)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.572.320.308	31.028.086.244	67.600.406.553
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(34.691.940.953)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			32.908.465.600
Doanh thu hoạt động tài chính			6.425.234.163
Chi phí tài chính			(19.376.880.880)
Thu nhập khác			3.499.064.376
Chi phí khác			(1.330.462.091)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.865.945.612)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			20.259.475.556
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			6.015.924.634
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			14.750.758.609
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	436.244.567.519	99.661.817.359	353.906.384.878
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	436.244.567.519	99.661.817.359	353.906.384.878
Chi phí bộ phận	(439.126.841.729)	(62.290.489.037)	(501.417.330.766)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.882.274.210)	37.371.328.322	34.489.054.112
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			34.489.054.112
Doanh thu hoạt động tài chính			5.477.959.225

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Xây lắp	Các lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Chi phí tài chính			(20.267.368.941)
Thu nhập khác			1.473.818.268
Chi phí khác			(463.855.941)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.441.979.507)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.267.627.216

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Các lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	436.226.903.971	55.236.691.167	491.463.595.138
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			64.175.684.836
Tổng tài sản			555.639.279.974
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	259.729.900.471	64.124.623.013	323.854.523.484
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			54.148.544.893
Tổng nợ phải trả			378.098.068.377
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	359.838.682.417	85.658.596.841	445.497.279.258
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			133.692.111.102
Tổng tài sản			579.189.390.360
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	321.645.420.178	37.079.542.281	358.724.962.459
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			50.323.964.999
Tổng nợ phải trả			409.048.927.458

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

X

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Thay đổi ước tính kế toán

Trong kỳ, Công ty thay đổi thời gian khấu hao một số máy móc thiết bị vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao kỳ này giảm 140.156.374 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.049.843.306	21.847.814.712	29.049.843.306	21.847.814.712
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	19.452.000.000	21.652.000.000	19.452.000.000	21.652.000.000
Phải thu khách hàng	209.350.150.344	192.483.654.883	209.350.150.344	192.483.654.883
Các khoản cho vay	0	-	0	-
Các khoản phải thu khác	20.025.703.732	23.122.432.031	20.025.703.732	23.122.432.031
Cộng	277.877.697.382	259.105.901.626	277.877.697.382	259.105.901.626
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	103.560.112.550	100.607.941.220	103.560.112.550	100.607.941.220
Phải trả cho người bán	137.575.120.720	163.799.930.103	137.575.120.720	163.799.930.103
Các khoản phải trả khác	77.464.362.716	72.419.111.554	77.464.362.716	72.419.111.554
Cộng	318.599.595.986	336.826.982.877	318.599.595.986	336.826.982.877

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.28). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Nhà cửa, vật kiến trúc	28.223.939.072	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Máy móc và thiết bị	32.541.351.565	
Cộng	60.765.290.637	
Số đầu năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.768.729.731	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Máy móc và thiết bị	34.412.614.957	
Cộng	64.181.344.688	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	81.473.565.644	19.512.123.867	2.574.423.039	103.560.112.550
Phải trả người bán	114.933.456.760	22.641.663.960	-	137.575.120.720
Các khoản phải trả khác	74.964.362.716	2.500.000.000	-	77.464.362.716
Cộng	271.371.385.120	44.653.787.827	2.574.423.039	318.599.595.986
Số đầu năm				
Vay và nợ	73.124.102.947	39.406.146.906	2.599.862.697	115.130.112.550
Phải trả người bán	113.323.818.229	22.819.636.804	-	136.143.455.033
Các khoản phải trả khác	76.265.876.977	2.500.000.000	-	78.765.876.977

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Cộng	<u>262.713.798.153</u>	<u>64.725.783.710</u>	<u>2.599.862.697</u>	<u>330.039.444.560</u>

9. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ này		
Tăng	+ 2%	(1.096.861.544)
Giảm	- 2%	1.096.861.544
Kỳ trước		
Tăng	+ 2%	(870.114.834)
Giảm	- 2%	870.114.834

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn